

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 557/2024/HC-PT

Ngày 28 tháng 9 năm 2024

V/v khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh
Ông Nguyễn Trọng Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 208/2024/TLPT-HC ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10545/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số A Ngách E L, X, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Người bị kiện: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh C, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T (Quyết định ủy quyền số 1363/QĐ- SLĐTBXH ngày 11/3/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D (là người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn D và người đại diện hợp pháp của ông D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T (sau đây viết tắt là Sở LĐTBXH tỉnh T) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông D, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn D tham gia quân đội từ ngày 15/10/1974 đến ngày 20/5/1981, thời gian công tác là 6 năm 7 tháng, trong đó có 4 năm 3 tháng ở vùng biên giới T và biên giới phía Bắc (Từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 công tác tại biên giới T là 2 năm 3 tháng và từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 công tác tại biên giới phía Bắc là 01 năm 11 tháng).

Do sức khỏe kém, năm 1981 đơn vị đã cho ông D đi giám định sức khỏe, tại Biên bản giám định y khoa số 973 của Hội đồng giám định y khoa Sư đoàn 3 xác định tỷ lệ mất sức lao động của ông D là 45% nên ngày 20/5/1981 ông D được xuất ngũ khi đang là Sỹ quan chuyên nghiệp. Khi phục viên về địa phương, ông D đã được hưởng chế độ bệnh binh hạng 3 và theo Văn bản số 205/CSBB ngày 05/6/1982 của Ty Thương binh Xã hội tỉnh T, ông D được hưởng mức trợ cấp hàng tháng là 16 đồng 25, thời gian được hưởng trợ cấp 24 tháng kể từ ngày 01/6/1982 đến hết tháng 5/1984.

Năm 1984, ông D được Sở LĐTBXH tỉnh T cho đi giám định lại sức khỏe. Tại Biên bản giám định khả năng lao động ngày 09/6/1984, Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Thái Bình kết luận tỷ lệ mất sức lao động của ông D là 51%, vẫn đủ điều kiện tiếp tục được hưởng chế độ bệnh binh hạng 3/3.

Theo khoản 1 Điều 52 Nghị định số 28-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, Liệt sĩ và gia đình Liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng quy định: “*Những quân nhân, công an nhân dân bị mắc bệnh, mất sức lao động từ 41% đến 60%, đã được xác nhận là bệnh binh hạng 3 từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước nay không gọi là bệnh binh mà là quân nhân bị bệnh nghề nghiệp và được hưởng trợ cấp hàng tháng tính trên mức lương quy định là 252.000 đồng trong thời gian là 2 năm rưỡi (30 tháng) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 do ngân sách Nhà nước đài thọ...*” nên ông D được hưởng chế độ trợ cấp quân nhân bị bệnh nghề nghiệp hàng tháng đến tháng 7/1997.

Tháng 8/1997, Sở LĐTBXH tỉnh T thông báo tạm dừng chi trả chế độ trợ cấp quân nhân bị bệnh nghề nghiệp đối với ông D, đồng thời yêu cầu ông D bổ sung một số giấy tờ trong thời gian phục vụ tại biên giới T và biên giới phía Bắc. Ông D đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ theo yêu cầu nhưng vẫn không được tiếp tục hưởng chế độ trợ cấp như trước.

Từ năm 1998 đến năm 2000, ông D đã có một số đơn đề nghị cấp lại chế độ trên. Tại Biên bản thẩm định quân nhân bị bệnh nghề nghiệp đề nghị hưởng trợ cấp của Phòng LĐTBXH huyện H ngày 13/6/2000, các thành viên tham gia đã thống nhất kết luận ông D có hoàn cảnh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, vợ chết, đông con, thuộc diện gia đình nghèo, bản thân mắc nhiều bệnh phải điều trị tại bệnh viện, có thời gian công tác quân đội từ 10/1974 đến 5/1981 trong đó có thời gian là 2 năm 3 tháng tại biên giới phía Tây Nam (có xác nhận của Sư đoàn 3) và nhất trí đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh T giải quyết cho ông D được hưởng lại chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp.

Ngày 10/8/2000, Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Công văn số 50/LĐTBXH về việc trả lời kết quả duyệt quân nhân bị bệnh nghề nghiệp với nội dung: do thời gian công tác ít nên ông D không đủ điều kiện để tiếp tục hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp. Tuy nhiên, thời điểm đó ông D đang làm kinh tế trong miền N nên ông D không được biết, cũng không được thông báo về Công văn này. Đến năm 2016, khi ông D về làm đơn khiếu nại về chế độ trợ cấp bệnh binh gửi Sở LĐTBXH tỉnh T thì ông D mới được biết Sở LĐTBXH tỉnh T đã có Công văn trên. Tại buổi làm việc với Sở LĐTBXH, ông D vẫn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp bệnh binh. Ngày 06/6/2016, Sở LĐTBXH đã ban hành Thông báo số 45/TB-SLĐTBXH về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông.

Từ khoảng nửa cuối năm 2016 đến 2018, ông D đi điều trị bệnh tiểu đường nên không khiếu nại các văn bản của Sở LĐTBXH tỉnh T.

Năm 2021, ông D lại tiếp tục gửi đơn đến Cục người có công thuộc Bộ L và Cục C2, hai cơ quan này đã chuyển đơn của ông D về Sở LĐTBXH tỉnh T giải quyết. Sở LĐTBXH tỉnh T đã ban hành các văn bản gồm: Công văn số 1891/SLĐTBXH-NCC ngày 09/5/2023, Công văn số 3036/SLĐTBXH-NCC ngày 06/7/2023 và Công văn số 3594/SLĐTBXH-NCC ngày 03/8/2023 với nội dung nêu hiện nay Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ chưa quy định về việc xác nhận lại hồ sơ để khôi phục lại chế độ bệnh binh đã dừng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 18 năm 1997 của Bộ LĐTBXH nên Sở LĐTBXH chưa có cơ sở để giải quyết đề nghị của ông D.

Ông D tiếp tục khiếu nại, tại Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông D đã xác định giữ nguyên cả 03 công văn trên, chấp nhận một phần khiếu nại của ông D vì chưa trả lời đầy đủ về nội dung ông D đề nghị trả lại trợ cấp bệnh binh.

Ông D khẳng định có đủ điều kiện để được hưởng chế độ trợ cấp bệnh binh (quân nhân bị bệnh nghề nghiệp), trường hợp nếu xác định ông D không đủ điều kiện thì Sở LĐTBXH tỉnh T phải căn cứ Thông tư số 18-LĐTBXH/TT ngày 27/6/1997 của Bộ L hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị

bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ đã nêu tại điểm 3 mục III như sau: “Người không đủ điều kiện tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng nếu có hoàn cảnh đặc biệt cần được xem xét giải quyết, Giám đốc Sở L có văn bản đề nghị về Bộ L1” để tiếp tục cho ông D được hưởng trợ cấp theo Biên bản thẩm định quân nhân bị bệnh nghề nghiệp đề nghị hưởng trợ cấp của Phòng LĐTĐ huyện H ngày 13/6/2000 đã xác định hoàn cảnh của ông D.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn D đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông D (lần đầu), bởi vì trong nội dung Quyết định này có ghi việc đề nghị khôi phục hưởng lại chế độ trợ cấp bệnh binh (quân nhân bị bệnh nghề nghiệp) của ông D là không có cơ sở để giải quyết là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông D. Bên cạnh đó, ông D cũng đề nghị cần xem xét nội dung Công văn số 1891/SLĐTĐ-NCC ngày 09/5/2023, Công văn số 3036/SLĐTĐ-NCC ngày 06/7/2023 của Sở LĐTBXH tỉnh T vì không đúng, không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông D.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Căn cứ quy định chính sách đối với Bệnh binh nói chung và đối với Bệnh binh hạng 3 nói riêng, còn gọi là Quân nhân bị bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 28-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ: “... Những quân nhân, công nhân dân bị mắc bệnh, mất sức lao động từ 41% đến 60%, đã được xác nhận là bệnh binh hạng 3 từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước nay không gọi là bệnh binh mà là quân nhân bị bệnh nghề nghiệp và được hưởng trợ cấp hàng tháng tính trên mức lương quy định...”; căn cứ hồ sơ hưởng chính sách bệnh binh (QNBBNN) của ông Nguyễn Văn D hiện đang quản lý, lưu trữ tại Sở, Sở LĐTBXH tỉnh T đề nghị Tòa án bác Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D với các lý do cụ thể như sau:

a) Tóm tắt quá trình lập hồ sơ giải quyết chính sách

a.1) Các văn bản làm căn cứ thực hiện chính sách đối với Bệnh binh:

Căn cứ Quyết định số 78/CP ngày 13/4/1978 của Chính phủ về việc bổ sung chế độ đãi ngộ đối với bệnh binh, Sở LĐTBXH tỉnh T đã tiếp nhận hồ sơ và ra Quyết định số 205/CSBB ngày 05/6/1982 giải quyết chế độ bệnh binh, tỷ lệ mất sức lao động 45% từ tháng 6/1982 đối với ông Nguyễn Văn D đảm bảo đúng quy định đối với bệnh binh 3/3.

Ông Nguyễn Văn D được khám giám định lại khả năng lao động, theo Biên bản giám định khả năng lao động ngày 09/8/1984 kết luận ông D mất sức lao động tỷ lệ 51%, tiếp tục hưởng trợ cấp bệnh binh 3/3.

a.2) Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp của ông D gồm có:

Quyết định hưởng trợ cấp số 205/CSBB ngày 05/6/1982; Biên bản giám định khả năng lao động ngày 09/8/1984; Biên bản giám định y khoa ngày 20/02/1974;

Phiếu cá nhân; Phiếu sức khỏe; Giấy ra viện; Quyết định phục viên; Lý lịch quân nhân; Lý lịch đảng viên (bản sao); Sổ đăng ký phục viên xuất ngũ, chuyên ngành (bản sao); Biên bản thẩm định QNBBNN đề nghị hưởng trợ cấp; Thông báo số 50/LĐTBOXH ngày 10/8/2000;... (các đơn có trong hồ sơ: Đơn ghi ngày 28/7/1998; Đơn ghi ngày 01/6/2000; Đơn đề nghị ngày 30/7/1999).

b) Quá trình rà soát và ngừng chi trả chế độ bệnh binh (QNBBNN) đối với ông Nguyễn Văn D:

b.1) Căn cứ để triển khai, thực hiện việc rà soát hồ sơ người hưởng chế độ bệnh binh (QNBBNN):

Ngày 27/6/1997, Bộ L ban hành Thông tư số 18-LĐTBOXH/TT về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ, cụ thể:

“1. Đối tượng: Quân nhân, C3 hưởng chế độ bệnh binh hạng ba (mất sức lao động từ 41%-60%) từ 31/12/1994 trở về trước theo Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã chuyển sang hưởng trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân bị bệnh nghề nghiệp theo Điều 52 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ.

2. Điều kiện: Các đối tượng nêu tại điểm 1 nói trên phải có một trong những điều kiện sau đây thì được tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng, cụ thể:

a) Người sinh từ năm 1943 trở về trước đối với nam và sinh từ năm 1948 trở về trước đối với nữ;

b) Người đã có thời gian công tác thoát ly đủ 10 năm trở lên đối với nam, đủ 5 năm trở lên đối với nữ;

c) Người đang hưởng trợ cấp "quân nhân bị bệnh nghề nghiệp", nhưng đã được xác nhận là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh (không hưởng trợ cấp thương tật);

d) Người đang mắc các căn bệnh theo danh mục quy định tại Thông tư số 33/TT-LB ngày 25/6/1987 của Bộ L1;

e) Người đã có thời gian đủ 3 năm trở lên đối với nam và 1 năm trở lên đối với nữ đã hoạt động ở chiến trường B, C, K trong kháng chiến chống Mỹ; địa bàn từ Thanh Hóa đến V từ ngày 05/8/1964 đến 27/01/1973; biên giới phía Bắc từ tháng 7/1978 đến ngày 22/12/1988; biên giới Tây Nam hoặc làm nhiệm vụ quốc tế từ tháng 1/1977 đến ngày 30/9/1989; ở quần đảo T...”.

Đối chiếu với quy định, trường hợp ông Nguyễn Văn D hưởng trợ cấp bệnh binh 3/3 (45%) thuộc đối tượng phải được rà soát. Tại thời điểm rà soát, hồ sơ chỉ thể hiện rõ ông D có thời gian 2 năm 4 tháng phục vụ chiến đấu tại biên giới Tây Nam (chưa đủ 3 năm trở lên theo quy định tại điểm e Điều 2 Thông tư số 18-LĐTBOXH/TT), do vậy ông Nguyễn Văn D không đủ điều kiện để tiếp tục hưởng trợ cấp quân nhân bị

mắc bệnh nghề nghiệp. Sở LĐTBXH đã dừng trợ cấp bệnh binh 3/3 của ông D từ tháng 8/1997 theo đúng quy định.

b.2) Việc bổ sung hồ sơ của ông Nguyễn Văn D:

Ông D có bổ sung Đơn (ghi ngày 1/7/1999) đề nghị xét cấp lại chế độ trợ cấp bệnh binh, có xác nhận ngày 30/7/1999 của Phòng tham mưu Sư đoàn 3: “*Ông Nguyễn Văn D có thời gian phục vụ ở biên giới T từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979. Thời gian công tác tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981*”. Như vậy Phòng tham mưu Sư đoàn C4 chỉ xác nhận ông D có thời gian công tác tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 chứ không xác nhận cụ thể ông D đã hoạt động ở biên giới phía Bắc, xác nhận này chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết chế độ cho ông D.

Đến ngày 01/6/2000, ông Nguyễn Văn D có đơn đề nghị cấp lại chế độ trợ cấp bệnh binh; Sở LĐTBXH tỉnh báo cáo, xin ý kiến Cục T1 (nay là Cục Người có công), do không đủ số năm công tác nên ông không đủ điều kiện tiếp tục hưởng trợ cấp, Sở đã có Thông báo số 50/LĐTBXH ngày 10/8/2000 để ông D biết.

Năm 2016 ông D có đơn khiếu nại, khi Thanh tra sở làm rõ đơn của ông D là đề nghị giải quyết chế độ bệnh binh cho ông, Sở đã ra Thông báo số 45/TB-SLĐTBXH ngày 06/6/2016 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Đến ngày 06/4/2021, Sở nhận được phiếu chuyển đơn số 74/NCC-CS2 của Cục Người có công chuyển đơn của ông D. Sau khi xem xét nội dung đơn, để xác nhận chính xác thời gian công tác tại vùng biên giới phía Bắc (huyện V, tỉnh Lạng Sơn) của ông D, ngày 23/4/2021 Sở có Công văn số 1188/SLĐTBXH-NCC gửi Sư đoàn C4 - Quân đoàn C4 đề nghị xác nhận thời gian công tác của quân nhân. Tại Văn bản phúc đáp số 1018/SĐ-CS ngày 24/5/2021 của Sư đoàn 3 - Quân khu C4 đã xác nhận: “*Rà soát danh sách xuất ngũ có tên ông Nguyễn Văn D đơn vị Tiểu đoàn 1008, Sư đoàn C4, Quân đoàn C4; phục viên tháng 05/1981. Căn cứ vào lịch sử truyền thống của Sư đoàn C4, thời gian từ tháng 07/1979 đến tháng 5/1981 các đơn vị thuộc Sư đoàn tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc thuộc tỉnh Lạng Sơn*”.

Nhận thấy theo xác nhận, thời gian công tác của ông D vẫn không đủ 03 năm, ngày 28/7/2021 Sở có Công văn số 2620/SLĐTBXH-NCC gửi Cục Người có công - Bộ L1 xin ý kiến giải quyết. Cục Người có công gửi Văn bản phúc đáp số 1435/NCC-CS2 nêu rõ: “*Ngày 14/4/2000, Bộ L1 ban hành Công văn số 1066/SLĐTBXH-TBLS kết thúc việc thực hiện hướng dẫn tại Thông tư số 18/LĐTBXH ngày 27/6/1997 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Đối với việc giải quyết kiến nghị của từng trường hợp cụ thể ở địa phương, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T căn cứ quy định văn bản quy phạm pháp luật từng thời kỳ để xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định*”.

Căn cứ văn bản này, sau khi xin ý kiến của các Sở, ngành có liên quan, Sở đã gửi Báo cáo số 141/BC-SLĐTBXH ngày 21/7/2022 đến Ủy ban nhân dân tỉnh T; đồng thời tiếp tục có Công văn số 3187/SLĐTBXH-NCC ngày 16/8/2022 và Công văn số 815/SLĐTBXH-NCC ngày 09/3/2023 gửi Sư đoàn C4 để xác minh việc xác nhận nội dung, địa bàn tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong chiến tranh biên giới phía Bắc thuộc tỉnh Lạng Sơn đối với ông Nguyễn Văn D.

Căn cứ nội dung phúc đáp của Sư đoàn C4, Sở đã có Công văn số 1454/SLĐTBXH-NCC tiếp tục xin ý kiến Cục Người có công về việc giải quyết đơn của ông D. Tại Công văn số 587/NCC-CS2 ngày 28/4/2023, Cục Người có công chỉ đạo: *“Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày 27/6/1997 của Bộ L1 hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Hiện nay, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ chưa quy định về việc xác nhận lại hồ sơ để khôi phục lại chế độ bệnh binh đã dừng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày 27/6/1997 của Bộ L1 - Thương binh và Xã hội nêu trên. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T thực hiện theo quy định”*.

Tại Phụ lục III “Danh mục địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng” ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định tại huyện V tỉnh Lạng Sơn chỉ có xã K là địa bàn phụ cận có chiến sự trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (từ tháng 02/1979 đến 31/12/1988) nên không đủ căn cứ để xác định ông D hoạt động ở địa bàn có chiến sự trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc. Việc đề nghị khôi phục hưởng lại chế độ trợ cấp bệnh binh (QNBBNN) của ông D là không có cơ sở để giải quyết. Sở LĐTBXH tỉnh T đã ban hành các Văn bản số 1891/SLĐTBXH-NCC ngày 09/5/2023; số 3036/SLĐTBXH-NCC ngày 06/7/2023 và số 3594/SLĐTBXH-NCC ngày 03/8/2023 trả lời đơn của ông Nguyễn Văn D tại thời điểm tiếp nhận đề nghị của ông theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP là đúng quy định. Tuy nhiên, các văn bản trả lời trên chưa trả lời đầy đủ về nội dung ông Nguyễn Văn D đề nghị khôi phục lại chế độ trợ cấp Bệnh binh (QNBBNN) theo Thông tư số 18/LĐTBXH-TT nên ông D không nhất trí, Sở đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn D theo quy định.

c) Việc giải quyết khiếu nại của ông D:

Ngày 04/10/2023, Sở tổ chức đối thoại với ông Nguyễn Duy C1 (người được ông D ủy quyền) và ông D. Sau khi nghe Tổ xác minh báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, các thành viên đại diện Sở LĐTBXH, Tổ xác minh, Phòng LĐTBXH huyện H đã có ý kiến trao đổi, phân tích, làm rõ thêm về nội dung khiếu nại, ý kiến của ông D và cùng nhất trí với báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Tổ xác minh. Ông C1 và ông D không đồng ý với các ý kiến trao đổi hướng dẫn của các

thành viên cũng như kết quả xác minh nội dung khiếu nại, đề nghị tiếp tục giải quyết khiếu nại.

Ngày 10/10/2023, Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T đã ban hành Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn D với nội dung:

“Giữ nguyên các văn bản số 1891/SLĐTBXH-NCC ngày 09/5/2023; số 3036/SLĐTBXH-NCC ngày 06/7/2023 trả lời đơn của ông Nguyễn Văn D.

Nội dung ông Nguyễn Văn D khiếu nại đối với Văn bản số 3036/QĐ- SLĐTBXH ngày 06/7/2023 về việc trả lời đơn của ông theo nội dung tại văn bản số 1891/SLĐTBXH-NCC ngày 9/5/2023 của Sở L2: không trả lời nội dung ông đề nghị trả lại trợ cấp bệnh binh theo TT18/LĐTBXH-TT là đúng một phần.

Phòng Người có công có trách nhiệm tham mưu văn bản trả lời cụ thể, dứt điểm về nội dung đề nghị trả lại trợ cấp bệnh binh theo Thông tư số 18/LĐTBXH- TT (nêu trên) của ông Nguyễn Văn D”.

Ngày 27/10/2023, Sở có Văn bản số 5224/SLĐTBXH-NCC trả lời đơn của ông D: *“Ngày 06/4/2021, Sở L tiếp nhận đơn đề nghị khôi phục lại chế độ bệnh binh của ông Nguyễn Văn D qua Phiếu chuyển đơn số 74/NCC-CS2 của Cục Người có công. Tuy nhiên, việc rà soát các trường hợp quân nhân bị mắc bệnh nghề nghiệp theo Thông tư số 18/TT-LĐTBXH ngày 27/6/1997 đã kết thúc từ tháng 8/2000 theo Công văn số 1066/LĐTBXH-TBLS ngày 14/4/2000 của Bộ L1. Mặt khác, Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ và hiện nay Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ... không quy định về việc xác nhận lại hồ sơ để khôi phục lại chế độ bệnh binh đã dừng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày 27/6/1997 của Bộ L1. Do đó, Sở L không có cơ sở khôi phục lại chế độ bệnh binh đối với ông Nguyễn Văn D”.*

Mặt khác, căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Quyết định số 78/CP ngày 13/4/1978 của Chính phủ về việc bổ sung chế độ đãi ngộ đối với bệnh binh; Thông tư số 13/TBXH ngày 15/8/1978 của Bộ L1 hướng dẫn thi hành Quyết định số 78-CP ngày 13/4/1978 của Hội đồng Chính phủ về việc bổ sung chế độ ưu đãi đối với bệnh binh; Nghị định số 28-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ; Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày 27/6/1997 của Bộ L1; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ và Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; căn cứ hồ sơ bệnh binh của ông Nguyễn Văn D đang được quản lý và lưu trữ tại Sở, kết quả xác minh tại các cơ quan ban ngành liên quan và xin ý kiến chỉ đạo của Cục Người có công - Bộ LĐTBXH, ý kiến của UBND tỉnh T: Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án bác Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D về yêu cầu hủy Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D (địa chỉ: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình) (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn D và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo:

Ngày 26/3/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Ông Nguyễn Văn D và người đại diện hợp pháp của ông D là anh Nguyễn Quốc T giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

5.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía người bị kiện là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án; việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm; tính hợp lệ của đơn kháng cáo và các tài liệu, chứng cứ mới do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập, Kiểm sát viên kết luận kháng cáo của ông D là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, sửa bản án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất xác định:

Ông Nguyễn Văn D có thời gian tham gia quân đội từ ngày 15/10/1974 đến ngày 20/5/1981 được xuất ngũ phục viên trở về địa phương với tỷ lệ mất sức lao động 45%, hưởng chế độ bệnh binh hạng 3 theo Quyết định số 205/CSBB ngày

05/6/1982 của Ty Thương binh Xã hội tỉnh T (thời gian hưởng trợ cấp là 24 tháng kể từ ngày 01/6/1982 đến hết tháng 5/1984). Ngày 08/6/1984, ông D được khám giám định lại khả năng lao động, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Thái Bình đã xác định khả năng lao động của ông D thuộc hạng 51%, ông D được tiếp tục hưởng trợ cấp bệnh binh 3/3. Đến tháng 8/1997, Sở LĐTBXH tỉnh T thông báo tạm dừng chi trả chế độ trợ cấp quân nhân bị bệnh nghề nghiệp đối với ông D, đồng thời yêu cầu ông D bổ sung một số giấy tờ trong thời gian phục vụ tại biên giới T và biên giới phía Bắc.

Từ năm 1998 đến tháng 6 năm 2000, ông D đã nộp thêm một số Đơn đề nghị có xác nhận của UBND xã T, của Phòng LĐTBXH huyện H đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh T xem xét giải quyết cho ông D tiếp tục được hưởng trợ cấp và Đơn đề nghị có xác nhận của Phòng Tham mưu Sư đoàn 3 ngày 30/7/1999 với nội dung: *“ông Nguyễn Văn D nhập ngũ 10-1974; quê quán: Tân Lễ, H, Thái Bình. Nguyên là quân nhân công tác ở Sư đoàn C4. Xuất ngũ về địa phương ngày 20-5-1981. Quá trình công tác tại quân đội có thời gian phục vụ biên giới Tây Nam từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 - thời gian công tác ở huyện V tỉnh Lạng Sơn từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981”*.

Sau khi xem xét, thẩm định các Đơn đề nghị và hoàn cảnh gia đình của ông D, ngày 10/8/2000 Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Văn bản số 50/LĐTBXH về việc trả lời kết quả xét duyệt quân nhân bị bệnh nghề nghiệp cho ông D với nội dung: *“Ông có 6 năm 7 tháng công tác trong quân đội. Sở đã đề nghị Cục xét tới hoàn cảnh hiện nay của ông: Sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng do thời gian công tác ít nên ông không có đủ điều kiện để tiếp tục hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp”*.

Ông D không đồng ý với việc Sở LĐTBXH tỉnh T cho rằng ông không có đủ điều kiện để tiếp tục hưởng trợ cấp nên ông D đã khiếu nại và đã được Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D (lần đầu). Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T nêu trên và xem xét một số văn bản hành chính có liên quan.

Căn cứ vào quy định tại Điều 79 của Luật Tố tụng hành chính thì những tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

[2] Xét việc ông Nguyễn Văn D bị dừng chi trả chế độ trợ cấp bệnh binh hạng 3 (quân nhân bị bệnh nghề nghiệp) thì thấy:

Tại Điều 13 Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ngày 29/8/1994 quy định: *“Bệnh binh là quân nhân, công an nhân dân mắc bệnh mà bị mất sức lao động từ 61% trở lên do một trong các trường hợp sau đây và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận bệnh binh...”*

Tại Điều 52 Nghị định số 28-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh trên quy định:

*“1. Bãi bỏ việc xác định bệnh binh hạng 3: Những quân nhân, công an nhân dân bị mắc bệnh, mất sức lao động từ 41% đến 60%, đã được xác nhận là bệnh binh hạng 3 từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước nay không gọi là bệnh binh mà là **quân nhân bị bệnh nghề nghiệp** và được hưởng trợ cấp hàng tháng tính trên mức lương quy định là 252.000 đồng trong thời gian là 2 năm rưỡi (30 tháng) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1995...*

2. Sau khi hết thời gian hưởng trợ cấp, tùy theo điều kiện sức lao động và thời gian công tác của từng người để xét việc tiếp tục hưởng trợ cấp. Bộ L1 hướng dẫn cụ thể Nghị định này”.

Ngày 27/6/1997, Bộ L ban hành Thông tư số 18-LĐTBXH/TT về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định 28-CP như sau:

“1. Đối tượng: Quân nhân, C3 hưởng chế độ bệnh binh hạng ba (mất sức lao động từ 41%-60%) từ 31/12/1994 trở về trước theo Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã chuyển sang hưởng trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân bị bệnh nghề nghiệp theo Điều 52 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ.

2. Điều kiện: Các đối tượng nêu tại điểm 1 nói trên phải có một trong những điều kiện sau đây thì được tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng, cụ thể:

... e) Người đã có thời gian đủ 3 năm trở lên đối với nam và 1 năm trở lên đối với nữ đã hoạt động ở chiến trường B, C, K trong kháng chiến chống Mỹ; địa bàn từ Thanh Hóa đến V từ ngày 05/8/1964 đến 27/01/1973; biên giới phía Bắc từ tháng 7/1978 đến ngày 22/12/1988; biên giới Tây Nam hoặc làm nhiệm vụ quốc tế từ tháng 1/1977 đến ngày 30/9/1989; ở quần đảo T...”.

Căn cứ vào các quy định trên, Sở LĐTBXH tỉnh T xác định trường hợp ông Nguyễn Văn D hưởng chế độ bệnh binh hạng 3 (mất sức lao động từ 41%-60%) trước ngày 31/12/1994 nên thuộc đối tượng phải được rà soát là đúng.

Về nội dung rà soát, theo ý kiến của Sở LĐTBXH tỉnh T tại Văn bản số 5715/SLĐTBXH-TTr ngày 17/11/2023 và tiếp tục được khẳng định tại Văn bản số 2534/SLĐTBXH-NCC ngày 23/9/2024 (theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội) thì tại hồ sơ lưu trữ có 07 tài liệu (bản phô tô) liên quan đến quá trình xét duyệt hồ sơ của ông Nguyễn Văn D bao gồm: Lý lịch quân nhân do ông D cung cấp; Đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn D đề ngày 28/7/1998; Đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn D đề ngày 01/9/1999 có xác nhận của Sư đoàn C4; Đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn D đề ngày 01/6/2000; Biên bản trích nghị quyết họp của UBND xã T ngày 05/6/2000; Biên bản thẩm định quân nhân bị bệnh nghề nghiệp của Phòng

LĐTBXH huyện H ngày 13/6/2000 và Công văn số 50/LĐTBXH ngày 10/8/2000 của Sở LĐTBXH tỉnh T về việc trả lời kết quả duyệt quân nhân bị bệnh nghề nghiệp.

Xem xét các tài liệu nêu trên (được Sở LĐTBXH tỉnh T đóng dấu sao nguyên văn bản chính) thể hiện có nội dung như sau:

(1) Tại sổ Lý lịch quân nhân có nhận xét của Thủ trưởng đơn vị, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 1008 và lãnh đạo Sư đoàn 3 ngày 23/5/1981, tại trang 13 và trang 14 (bút lục: 69,70,71) thể hiện:

“2. quá trình công tác:

Tháng 10/74: Bộ binh

Tháng 2/75: Học viên Trường L3

Tháng 8/75: Phòng C5

Tháng 11/77: Thuộc c vận tải E4 F8 QK9 Mộc Hóa L Biên giới Tây Nam

5/79: Tiểu đoàn xe tăng D1008 F3 QĐ14 QK2 Biên giới phía Bắc Trảng Định, Lạng Sơn

3. Các trận trực tiếp chiến đấu hoặc gián tiếp chiến đấu: *Phục vụ chiến đấu tại các chiến trường Biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc”.*

(2) Tại các Đơn đề nghị của ông D đề ngày 21/01/1998 và ngày 28/7/1998 thể hiện: ông D trình bày ông bị ngừng hưởng chế độ trợ cấp bệnh binh từ tháng 8/1997 nên ông có đơn đề nghị xét cấp lại và được Ban Thương binh Xã hội, UBND xã T, Phòng Tổ chức và LĐTBXH huyện H xác nhận và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét. Trong đó, tại Đơn đề nghị xét cấp lại chế độ trợ cấp bệnh binh của ông Nguyễn Văn D đề ngày 28/7/1998, Phòng Tổ chức và LĐTBXH huyện H đã xác nhận: “*Xác nhận ông Nguyễn Văn D là QNBBNN. Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp theo Thông tư số 18 đã gửi Sở LĐTBXH tháng 10/97. Theo đơn trình bày đề nghị Sở L xem xét, giải quyết và trả lời cho ông D*” (bút lục: 14, 15).

(3) Tại Đơn đề nghị của ông D đề ngày 01/7/1999 gửi Thủ trưởng Sư đoàn C4 và Ban Tham mưu Sư đoàn đề nghị xác nhận thời gian tham gia phục vụ chiến đấu, được Phòng Tham mưu Sư đoàn C4 xác nhận ngày 30/7/1999 với nội dung: “*ông Nguyễn Văn D nhập ngũ 10-1974; quê quán: Tân Lễ, H, Thái Bình. Nguyên là quân nhân công tác ở Sư đoàn C4. Xuất ngũ về địa phương ngày 20-5-1981. Quá trình công tác tại quân đội có thời gian phục vụ biên giới Tây Nam từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 - thời gian công tác ở huyện V tỉnh Lạng Sơn từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981*” (bút lục: 16).

(4) Ngày 01/6/2000, ông D tiếp tục có Đơn đề nghị cấp lại chế độ trợ cấp bệnh binh gửi Sở LĐTBXH tỉnh T và Phòng LĐTBXH huyện H có nội dung: Sau khi bị tạm dừng hưởng chế độ trợ cấp bệnh binh tháng 7/1997, ông đã được Phòng LĐTBXH huyện hướng dẫn làm bổ sung hồ sơ và giấy tờ liên quan đến thời gian

tham gia chiến đấu tại các chiến trường và ông đã làm đầy đủ thủ tục theo hướng dẫn để được xét trở lại trợ cấp nhưng đến nay ông vẫn chưa có hồi âm. Thực tế hiện nay ông sức khỏe yếu, bệnh cũ tái phát, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn nên ông làm đơn đề nghị các cơ quan xét để ông được hưởng lại trợ cấp. Đơn của ông D được UBND xã T xác nhận ngày 05/6/2000 với nội dung: “*đơn đề nghị xin hưởng trợ cấp bệnh binh 3/3 của ông Nguyễn Văn D, người xã Tân Lễ là đúng, hoàn cảnh gia đình, kinh tế hiện tại quá khó khăn. Vậy đề nghị quý Phòng LĐ.TB.XH huyện H tạo điều kiện giúp đỡ*” (bút lục: 17).

(5) Tại Biên bản trích nghị quyết họp UBND xã T ngày 05/6/2000 thể hiện những người tham gia cuộc họp đã xem xét đơn của ông D và thống nhất: “*Căn cứ vào Công văn 145-LĐTBXH tỉnh và Phòng LĐTBXH huyện H, ông Nguyễn Văn D được áp dụng vào Điều 2, được xét cấp chế độ bệnh binh 3/3. Tập thể UBND xã T nhất trí 100% đề nghị các quý cơ quan giúp đỡ ông D được hưởng chế độ bệnh binh*” (bút lục: 19).

(6) Tại Biên bản thẩm định QNBBNN đề nghị hưởng trợ cấp ngày 13/6/2000 (thành phần thẩm định gồm có: đại diện Phòng TC-LĐTBXH huyện H, Chủ tịch UBND và Cán bộ LĐTBXH xã T) thể hiện sau khi xem xét đơn đề nghị của ông D, Biên bản xét đề nghị của UBND xã và thẩm định tại gia đình, đã thống nhất kết luận: “*Ông Nguyễn Văn D... có hoàn cảnh gia đình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, vợ chết đông con thuộc diện gia đình nghèo... Bản thân mắc nhiều bệnh phải điều trị tại bệnh viện luôn. Có thời gian công tác quân đội từ 10/1974 đến tháng 5/1981. Trong đó có thời gian là 2 năm 3 tháng tại Biên giới phía Tây Nam (có xác nhận của Sư đoàn C4). Xét hoàn cảnh gia đình, sức khỏe của bản thân... đề nghị Sở LĐ-TBXXH tỉnh giải quyết cho ông D được hưởng lại chế độ QNBBNN*”.

(7) Tại Văn bản số 50/LĐTBXH ngày 10/8/2000 của Sở LĐTBXH tỉnh T về việc trả lời kết quả xét duyệt quân nhân bị bệnh nghề nghiệp cho ông D thể hiện có nội dung: “*Ông có 6 năm 7 tháng công tác trong quân đội. Sở đã đề nghị Cục xét tới hoàn cảnh hiện nay của ông: Sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng do thời gian công tác ít nên ông không có đủ điều kiện để tiếp tục hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp*”.

Ngoài các tài liệu trên, trong hồ sơ vụ án còn có một số tài liệu (cũng được Sở LĐTBXH tỉnh T đóng dấu sao nguyên văn bản chính) và được Sở LĐTBXH tỉnh T xác định tại Văn bản số 5715/SLĐTBXH-TTr ngày 17/11/2023 là có trong thành phần hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp của ông D (gồm: Quyết định hưởng trợ cấp số 205/CSBB ngày 05/6/1982; Biên bản giám định khả năng lao động ngày 09/8/1984; Biên bản giám định y khoa ngày 20/02/1974; Phiếu cá nhân; Phiếu sức khỏe; Giấy ra viện; Quyết định phục viên; Lý lịch đảng viên (bản sao); Sổ đăng ký phục viên xuất ngũ, chuyên ngành). Trong đó có một số tài liệu thể hiện:

(1) Tại Biên bản giám định y khoa ngày 14/3/1981 (không phải là ngày 20/02/1974 như người bị kiện nêu ở trên) và Quyết định phục viên số 191/QĐ ngày

20/5/1981 đều thể hiện: trước khi được xuất ngũ, ông D là thiếu úy chuyên nghiệp thuộc đơn vị Tiểu đoàn 1008, Sư đoàn C4 (bút lục: 59, 62);

(2) Tại trang 2 Phiếu cá nhân ngày 20/5/1981 có xác nhận của thủ trưởng đơn vị (bút lục: 61) thể hiện quá trình công tác của ông Nguyễn Văn D như sau:

“... từ 3/77 - 2/78: Trung sỹ, chiến sỹ lái xe, Trung đoàn H-F8-Quân khu C5;

2/78 - 6/79: Thượng sỹ, lái xe Sư đoàn huấn luyện Quân khu C5;

6/79 - 5/81: Thiếu úy (CN) Tiểu đoàn 1008 - Sư đoàn C4 - Quân đoàn 14”.

(4) Tại Lý lịch đảng viên (bản sao) có xác nhận của Chi ủy và Đảng ủy Sư đoàn 3 ngày 22/5/1981 cũng thể hiện từ tháng 6/1979 đến tháng 5/1981 ông D là “Thiếu úy chuyên nghiệp tại đơn vị D1008 F3 QĐ14”.

Theo ý kiến của phía người bị kiện thì khi rà soát chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp của ông D theo quy định tại Thông tư số 18-LĐTBXH/TT ngày 27/6/1997 của Bộ L, đối chiếu với quy định tại thời điểm rà soát, hồ sơ chỉ thể hiện rõ ông D có thời gian 2 năm 4 tháng phục vụ chiến đấu tại biên giới Tây Nam (chưa đủ 3 năm trở lên theo quy định tại điểm e Điều 2 Thông tư 18-LĐTBXH/TT) nên ông Nguyễn Văn D không đủ điều kiện để tiếp tục hưởng trợ cấp quân nhân bị mắc bệnh nghề nghiệp. Ông D có bổ sung đơn có xác nhận của Phòng Tham mưu Sư đoàn 3 ngày 30/7/1999 nhưng chưa rõ ràng (chỉ xác nhận ông D có thời gian công tác tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 chứ không xác nhận cụ thể ông D đã hoạt động ở Biên giới phía Bắc), do đó đơn có xác nhận của Phòng Tham mưu Sư đoàn 3 của ông D chưa đủ cơ sở để xem xét, giải quyết.

Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ chế độ của ông D và ý kiến của phía người bị kiện nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Biên bản giám định y khoa ngày 14/3/1981, Quyết định phục viên số 191/QĐ ngày 20/5/1981, Phiếu cá nhân ngày 20/5/1981, Lý lịch quân nhân, Lý lịch đảng viên của ông D nêu trên đã thể hiện ông D là: *“thiếu úy chuyên nghiệp thuộc đơn vị Tiểu đoàn A, Sư đoàn 3”*; *“6/79 - 5/81: Thiếu úy (CN) Tiểu đoàn 1008 - Sư đoàn C4 - Quân đoàn 14”*; *“5/79: Tiểu đoàn xe tăng D1008 F3 QĐ14 QK2 Biên giới phía Bắc Trảng Định, Lạng Sơn”* và *“Phục vụ chiến đấu tại các chiến trường Biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc”*. Sau khi ông D bị tạm dừng chi trả chế độ trợ cấp quân nhân bị bệnh nghề nghiệp, ông D có đơn xin xác nhận và được Phòng Tham mưu Sư đoàn C4 xác nhận ngày 30/7/1999 với nội dung: *“... Quá trình công tác tại quân đội có thời gian phục vụ biên giới Tây Nam từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 - thời gian công tác ở huyện V tỉnh Lạng Sơn từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981”*.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông D sau này, Chính ủy Sư đoàn 3 Quân khu C4 đã xác nhận tại Văn bản số 1018/SĐ-CS ngày 24/5/2021: *“...*

thời gian từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 các đơn vị thuộc Sư đoàn tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc thuộc tỉnh Lạng Sơn” và tại Văn bản số 898/SĐ-CT ngày 30/3/2023 tiếp tục xác nhận: “ông Nguyễn Văn D thuộc Tiểu đoàn 1008, Sư đoàn C4, Quân đoàn C4 có thời gian công tác từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 làm nhiệm vụ tham gia bảo vệ Tổ quốc biên giới phía Bắc tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn”.

Rõ ràng tại các tài liệu trên đã thể hiện ông D có thời gian hoạt động ở biên giới T từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 và ở biên giới phía Bắc từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981, đủ điều kiện “có thời gian đủ 3 năm trở lên đối với nam” quy định tại điểm e tiểu mục 2 Mục I Thông tư số 18-LĐTBXH/TT ngày 27/6/1997 của Bộ L. Theo đó, ông D có đủ điều kiện tiếp tục được hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp quy định tại Điều 52 Nghị định số 28-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ.

Tuy vậy, trong quá trình rà soát hồ sơ của ông D từ năm 1997 cho đến tháng 8/2000 thì các cơ quan có thẩm quyền thời kỳ đó đã không xem xét đầy đủ, khách quan các tài liệu trong hồ sơ hưởng chế độ của ông D; không xác minh làm rõ xác nhận của Phòng Tham mưu Sư đoàn C4 đối với thời gian từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 của ông D (thuộc trách nhiệm của cơ quan và người rà soát, thẩm định). Điều này được thể hiện tại “Biên bản thẩm định QNBBNN đề nghị hưởng trợ cấp” ngày 13/6/2000 mới xem xét đơn đề nghị của ông D, Biên bản xét đề nghị của UBND xã và thẩm định tại gia đình để kết luận: “*Có thời gian công tác quân đội từ 10/1974 đến tháng 5/1981. Trong đó có thời gian là 2 năm 3 tháng tại Biên giới phía Tây Nam (có xác nhận của Sư đoàn 3)*” mà không có nội dung xác minh, thẩm định về thời gian công tác từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 của ông D. Theo đó, Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Văn bản số 50/LĐTBXH ngày 10/8/2000 trả lời ông Nguyễn Văn D không đủ điều kiện để tiếp tục hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp là không đúng với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, chính sách của Nhà nước tại thời điểm đó.

[3] Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D:

Năm 2016 ông D có đơn khiếu nại, khi Thanh tra Sở LĐTBXH làm rõ đơn của ông D là đề nghị giải quyết chế độ bệnh binh cho ông, Sở LĐTBXH đã ban hành Thông báo số 45/TB-SLĐTBXH ngày 06/6/2016 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông D.

Đến ngày 06/4/2021, Sở LĐTBXH tỉnh T nhận được Phiếu chuyển đơn số 74/NCC-CS2 của Cục Người có công về việc chuyển đơn của ông D. Lúc này Sở LĐTBXH tỉnh T mới có văn bản gửi Sư đoàn C4, Quân đoàn C4, Quân khu C4 đề nghị xác nhận thời gian công tác của quân nhân và đã được Chính ủy Sư đoàn 3 Quân khu C4 xác nhận 02 lần. Lần thứ nhất, tại Văn bản số 1018/SĐ-CS ngày 24/5/2021 đã xác nhận: “*...thời gian từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 các đơn vị thuộc Sư đoàn C4 tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc thuộc tỉnh Lạng Sơn*”; lần thứ hai, tại Văn bản số 898/SĐ-CT ngày 30/3/2023 đã xác nhận: “*ông Nguyễn Văn D thuộc Tiểu đoàn 1008, Sư đoàn C4, Quân đoàn C4 có thời gian công tác từ tháng 7/1979*

đến tháng 5/1981 làm nhiệm vụ tham gia bảo vệ Tổ quốc biên giới phía Bắc tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn”.

Căn cứ vào kết quả xác nhận trên và ý kiến của Sở Tư pháp, Sở LĐTBXH đã có văn bản báo cáo UBND tỉnh và xin ý kiến Cục Người có công Bộ L (02 lần). Lần thứ nhất, Cục Người có công trả lời tại Văn bản số 1435/NCC-CS2 ngày 02/11/2021 với nội dung: “Ngày 14/4/2000, Bộ L1 ban hành Công văn số 1066/SLĐTBXH-TBLS kết thúc việc thực hiện hướng dẫn tại Thông tư số 18/LĐTBXH ngày 27/6/1997 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Đối với việc giải quyết kiến nghị của từng trường hợp cụ thể ở địa phương, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T căn cứ quy định văn bản quy phạm pháp luật từng thời kỳ để xem xét, báo cáo UBND tỉnh quyết định”; lần thứ hai, tại Văn bản số 587/NCC-CS2 ngày 28/4/2023 có nội dung: “Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày 27/6/1997 của Bộ L hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Hiện nay, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ chưa quy định về việc xác nhận lại hồ sơ để khôi phục lại chế độ bệnh binh đã dừng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày 27/6/1997 của Bộ L nêu trên. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T thực hiện theo quy định”.

Xét các văn bản trả lời của Cục Người có công ở trên và việc giải quyết đơn khiếu nại của Sở LĐTBXH đối với yêu cầu của ông D thì thấy:

Tại Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 về Ưu đãi người có công với cách mạng (thay thế Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ngày 29/8/1994, được sửa đổi một số điều năm 2000 và 2002), Điều 23 có quy định về bệnh binh như sau:

“1. Bệnh binh là quân nhân, ... mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên khi xuất ngũ về gia đình được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp "Giấy chứng nhận bệnh binh" thuộc một trong các trường hợp sau đây: (a...e)

2. Bệnh binh là quân nhân, công an nhân dân mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% đã được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1994”;

Về điều khoản thi hành, tại Điều 46 Pháp lệnh này quy định:

“Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ngày 29 tháng 8 năm 1994;...

Chế độ ưu đãi theo quy định của Pháp lệnh này được áp dụng đối với người có công với cách mạng đang hưởng chế độ trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực và những người được tiếp tục xem xét công nhân sau ngày Pháp lệnh có hiệu lực”.

Ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thông qua Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 về Ưu đãi người có công với cách mạng (có hiệu lực từ ngày 01/7/2021), tại khoản 1 Điều 58 Pháp lệnh quy định chuyên tiếp như sau: “*Người hy sinh, người bị thương, người bị bệnh trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 nếu không đủ điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh này thì được áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 04/2012/PL-UBTVQH13*”.

Đối với Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020, tại Điều 1 và Điều 2 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về việc công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và các biện pháp thi hành Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng...

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh (sau đây gọi là người có công)...”.

Tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 có đối tượng là “*h) Bệnh binh*”; tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh này quy định về điều kiện, tiêu chuẩn bệnh binh như sau: “*Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ trong Quân đội nhân dân... bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên khi làm nhiệm vụ cấp bách, nguy hiểm mà không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được cơ quan có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận bệnh binh” khi thôi phục vụ trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân*”.

Như vậy, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP điều chỉnh đối tượng là “bệnh binh” quy định tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 nêu trên, còn đối tượng bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 61% thì không được điều chỉnh tại Nghị định này mà thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 (áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 đã trích dẫn ở trên). Do đó, tại Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D, Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T viện dẫn ý kiến của Cục có công tại Văn bản số 587/NCC-CS2 ngày 28/4/2023: “*...Hiện nay, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày*

30/12/2021 của Chính phủ chưa quy định về việc xác nhận lại hồ sơ để khôi phục lại chế độ bệnh binh đã dừng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 18/LĐTBXH-TT...” để xác định: “Việc đề nghị khôi phục hưởng lại chế độ trợ cấp bệnh binh (Quân nhân bị bệnh nghề nghiệp) của ông Nguyễn Văn D là không có cơ sở để giải quyết” là có sự nhầm lẫn, không đúng quy định của pháp luật.

[4] Tổng hợp những nội dung và kết quả phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Tại thời điểm rà soát chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp, hồ sơ chế độ của ông Nguyễn Văn D đã thể hiện ông nhập ngũ từ tháng 10/1974 cho đến tháng 5/1981 được phục viên về nghỉ chế độ bệnh binh; trong đó có thời gian từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979 hoạt động tại biên giới T và từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 hoạt động ở biên giới phía Bắc, có đủ điều kiện hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp hàng tháng quy định tại điểm e tiểu mục 2 Mục I và Mục II Thông tư số 18-LĐTBXH/TT ngày 27/6/1997 của Bộ L.

Tuy vậy, trong quá trình rà soát hồ sơ của ông D từ năm 1997 cho đến tháng 8/2000 thì các cơ quan có thẩm quyền thời kỳ đó đã không xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu trong hồ sơ hưởng chế độ của ông D có thể hiện thời gian từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981 ông D “đã hoạt động ở biên giới phía Bắc”; mà chỉ xác định ông D có thời gian hoạt động tại biên giới T từ tháng 3/1977 đến tháng 6/1979, không đủ điều kiện để tiếp tục hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp là không đúng với quá trình công tác thực tế của ông D và không đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, chính sách của Nhà nước tại thời điểm đó.

Khi ông D khiếu nại, mặc dù quá trình xác minh giải quyết khiếu nại đã xác định được ông D có thời gian hoạt động ở biên giới phía Bắc từ tháng 7/1979 đến tháng 5/1981, đủ điều kiện để tiếp tục hưởng chế độ quân nhân bị bệnh nghề nghiệp quy định tại điểm e tiểu mục 2 Mục I và Mục II Thông tư số 18-LĐTBXH/TT. Lẽ ra, trên cơ sở những nội dung phân tích và những quy định của pháp luật nêu ở trên thì Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T cần chỉ đạo rà soát lại những chế độ chính sách của ông D được hưởng từ khi bị dừng hưởng chế độ trái pháp luật cho đến nay để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chi trả lại cho ông D các chế độ đã bị dừng hưởng cũng như các chế độ ông D được hưởng sau này mới đúng pháp luật.

Tuy vậy, sau khi Sở LĐTBXH tỉnh T có văn bản xin ý kiến thì Cục Người có công lại hướng dẫn thiếu sự nhất quán về biện pháp xử lý cụ thể trường hợp của ông D trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành. Từ đó, khi ban hành Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D, Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh T mặc dù đã nêu khá đầy đủ toàn bộ quá trình tham gia công tác, chế độ được hưởng sau khi được xuất ngũ, việc dừng trợ cấp bệnh binh (quân nhân bị bệnh nghề nghiệp) của ông D; việc xác minh thời gian ông D công tác tại Lạng Sơn và ý kiến của Cục Người có công thuộc Bộ L. Nhưng do quá lệ thuộc vào văn bản hướng dẫn của Cục Người có công mà không xem xét đầy đủ các

văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung khiếu nại theo thứ tự áp dụng pháp luật (các tài liệu về việc trả lời đơn của ông D cũng như liên quan đến giải quyết khiếu nại không có nội dung nào căn cứ vào điều khoản cụ thể của Pháp lệnh Ưu đãi người có công qua các thời kỳ), dẫn đến việc áp dụng không chính xác pháp luật, làm sai lệch kết quả giải quyết khiếu nại. Hậu quả đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực thi chính sách của Nhà nước đối với những người có công trong các cuộc kháng chiến nói chung và đối với ông D nói riêng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các chứng cứ và làm rõ được quá trình công tác của ông D, tuy nhiên cũng đánh giá trên cơ sở các quy định của pháp luật mà phía người bị kiện đã áp dụng khi ban hành các văn bản hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại, từ đó quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D là không đúng với quy định và nguyên tắc áp dụng pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, cần sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy toàn bộ quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính có liên quan để người bị kiện thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn D là người có đơn đề nghị, đơn khiếu nại cho đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

Căn cứ vào Pháp lệnh số 07/1994/PL-UBTVQH9 ngày 29/8/1994 về Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng (được sửa đổi một số điều năm 2000 và 2002); các Điều 23, 24, 46 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 về Ưu đãi người có công với cách mạng; khoản 1 Điều 58 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 về Ưu đãi người có công với cách mạng.

Căn cứ vào Điều 52 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng”; Thông tư số 18/LĐTBXH-TT ngày

27/6/1997 của Bộ L1 “Hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với quân nhân, công an nhân dân bị bệnh nghề nghiệp theo Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ”;

Căn cứ vào các Điều 20, 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 và các Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

1.1. Hủy toàn bộ Quyết định số 8833/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D (địa chỉ: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình) (lần đầu).

1.2. Hủy toàn bộ các văn bản, quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, bao gồm:

- Văn bản số 50/LĐTBXH ngày 10/8/2000 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T về việc trả lời kết quả xét duyệt quân nhân bị bệnh nghề nghiệp cho đối với ông Nguyễn Văn D;

- Văn bản số 1891/SLĐTBXH-NCC ngày 09/5/2023, Văn bản số 3036/SLĐTBXH-NCC ngày 06/7/2023, Văn bản số 3594/SLĐTBXH-NCC ngày 03/8/2023 và Văn bản số 5224/SLĐTBXH-NCC ngày 27/10/2023 cùng của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn D;

1.3. Yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết đơn đề nghị được hưởng trợ cấp và đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn D đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/9/2024.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền